

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Chi nhánh Đà Nẵng: 63/5 Trần Quốc Toàn, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (8) 3 999 00 91-97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG, TỪ NGÀY 01/01/2018 ĐẾN NGÀY 30/06/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

R REANDA

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 30 tháng 06 năm 2018	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	11 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được soát xét.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng từ Công ty Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101323 ngày 31/03/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/02/2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 150/QĐ-SGDHN ngày 05/04/2011.

Mã chứng khoán niêm yết là NDN.

Vốn điều lệ tính đến ngày 30/06/2018: 421.369.940.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 30/06/2018: 479.323.980.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại : (+84) 0236 – 3 872 213
- Fax : (+84) 0236 – 3 872 213
- Website : www.ndn.com.vn

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản. Đầu tư phát triển các dự án bất động sản, trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê;
- Tư vấn thiết kế xây dựng, tư vấn giám sát công trình, tư vấn đo đạc bản đồ;
- Sản giao dịch bất động sản;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, cầu cảng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp. Xây dựng công trình điện tử 110KV trở xuống. Xây dựng công trình cấp thoát nước đô thị, công trình bưu chính viễn thông, công trình xăng dầu,...

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/	
		Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Trung	Chủ tịch	10/02/2015	
Ông Lương Thanh Viên	Thành viên	10/02/2015	
Ông Bùi Lê Duy	Thành viên	10/02/2015	
Ông Cao Thái Hùng	Thành viên	10/02/2015	
Bà Mai Thị Thi	Thành viên	04/06/2016	

4.2. Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/	
		Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Đào Thị Phước	Trưởng ban	10/02/2015	
Ông Trần Viết Em	Thành viên	10/02/2015	
Bà Nguyễn Thị Kiều Giang	Thành viên	20/05/2017	

4.3. Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/	
		Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Trung	Tổng Giám đốc	28/04/2016	
Ông Lương Thanh Viên	Phó Tổng Giám đốc	27/04/2013	
Ông Nguyễn Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	22/09/2016	15/06/2018
Ông Nguyễn Phú Đông Hà	Phó Tổng Giám đốc	01/11/2016	
Bà Mai Trương Tú Oanh	Kế toán trưởng	10/05/2017	

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Trung	Tổng Giám đốc

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (riêng) từ trang 07 đến trang 49.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) đính kèm. Báo cáo tài chính (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN QUANG TRUNG

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 08 năm 2018



Số: 31/2018/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017, từ trang 7 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và lưu chuyển tiền tệ (riêng) của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

1. Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo rằng, phạm vi của báo cáo tài chính (riêng) này chỉ phản ánh tình hình tài chính và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018. Việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Đà Nẵng với công ty con không thuộc phạm vi của báo cáo này.
2. Như trình bày tại Thuyết minh số V21a, Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần 07 ngày 04/02/2016 là 421.369.940.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/06/2018, vốn đầu tư của chủ sở hữu là 479.323.980.000 đồng, thừa 57.954.040.000 đồng nhưng Công ty chưa làm thủ tục thay đổi lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Tp. Đà Nẵng, ngày 15 tháng 08 năm 2018.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES



Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNĐKHN số: 2896-2016-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- *Như trên*
- *Lưu VIETVALUES*

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ DÀ NẴNG

Địa chỉ: 38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Bảng cân đối kế toán (riêng)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		952.964.855.492	556.262.912.339
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	16.356.316.001	28.679.150.801
111	1. Tiền		11.586.316.001	24.959.575.189
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.770.000.000	3.719.575.612
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		459.254.709.367	277.136.441.436
121	1. Chứng khoán kinh doanh	V.2a	278.731.272.758	141.106.864.221
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	V.2a	(19.881.430.058)	(970.422.785)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2b	200.404.866.667	137.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		250.134.494.175	78.035.569.271
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	40.126.124.796	64.157.043.883
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	42.368.763.256	9.414.799.982
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	167.639.606.123	4.463.725.406
140	IV. Hàng tồn kho		223.922.236.582	166.415.831.916
141	1. Hàng tồn kho	V.6	223.922.236.582	166.415.831.916
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.297.099.367	5.995.918.915
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	97.323.711	33.978.624
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	1.851.892.768
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	3.199.775.656	4.110.047.523
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		231.310.374.751	153.040.268.214
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		6.659.384.321	10.841.338.090
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	6.161.044.856	9.916.237.660
222	- Nguyên giá		10.201.950.984	14.734.073.676
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.040.906.128)	(4.817.836.016)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	498.339.465	925.100.430
228	- Nguyên giá		704.127.965	1.105.625.930
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(205.788.500)	(180.525.500)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.10	20.089.704.589	16.306.498.766
231	- Nguyên giá		20.686.476.566	16.306.498.766
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(596.771.977)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		15.925.112.250	15.967.940.198
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	15.925.112.250	15.967.940.198
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2c	152.727.842.393	109.600.914.030
251	1. Đầu tư vào công ty con		91.500.000.000	91.500.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12.173.852.330	18.113.451.329
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(946.009.937)	(12.537.299)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2b	50.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		35.908.331.198	323.577.130
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	35.688.722.491	323.577.130
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		219.608.707	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.184.275.230.243	709.303.180.553

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Bảng cân đối kế toán (riêng) (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		624.418.027.686	167.781.635.483
310	I. Nợ ngắn hạn		621.693.780.548	153.267.927.175
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	30.398.202.739	47.654.530.209
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	493.741.166.207	41.967.871.569
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	20.056.374.759	33.220.522
314	4. Phải trả người lao động	V.15	517.257.818	427.668.611
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	18.918.828.145	67.945.792
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	32.398.305.734	47.711.921.578
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.18	25.663.645.146	15.404.768.894
330	II. Nợ dài hạn		2.724.247.138	14.513.708.308
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.19	482.727.277	458.181.822
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.17b	2.241.519.861	4.055.526.486
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20	-	10.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		559.857.202.557	541.521.545.070
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	559.857.202.557	541.521.545.070
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		479.323.980.000	421.369.940.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		479.323.980.000	421.369.940.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.609.600	5.609.600
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		(39.015.220.100)	(21.258.785.340)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		9.838.317.468	9.838.317.468
421	9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		109.704.515.589	131.566.463.342
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		62.539.423.342	45.738.781.903
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		47.165.092.247	85.827.681.439
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.184.275.230.243	709.303.180.553

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu



LÊ ANH THƯ

Kế toán trưởng



MAI TRƯƠNG TÚ OANH



Tổng Giám Đốc



NGUYỄN QUANG TRUNG

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Kết quả hoạt động kinh doanh (riêng)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	132.591.633.555	44.162.846.811
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		132.591.633.555	44.162.846.811
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	94.903.063.844	25.453.509.483
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.688.569.711	18.709.337.328
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	48.225.749.477	10.322.646.687
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	29.608.032.764	(2.525.701.840)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	225.011.403	143.018.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	1.982.395.191	2.669.716.049
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		54.098.879.830	28.744.951.806
31	11. Thu nhập khác	VI.7	240.262.979	2.266.629
32	12. Chi phí khác	VI.8	459.000	48.127.833
40	13. Lợi nhuận khác		239.803.979	(45.861.204)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		54.338.683.809	28.699.090.602
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.13	7.393.200.269	3.227.748.610
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(219.608.707)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		47.165.092.247	25.471.341.992
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	-	-
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	-	-

Người lập biểu

LÊ ANH THU

Kế toán trưởng

MAI TRƯƠNG TÚ OANH

Tp. Đà Nẵng, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN QUANG TRUNG

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		770.369.366.187	206.280.147.827
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(492.522.969.867)	(182.616.392.583)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(2.671.437.234)	(1.606.773.199)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.528.319.590)	(8.475.655.796)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		37.188.624.322	25.260.751.787
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(239.310.615.604)	(15.697.680.902)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		66.524.648.214	23.144.397.134
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(117.737.273)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		181.818.181	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(216.300.000.000)	(65.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		102.895.133.333	74.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(8.588.843.200)	(10.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		66.640.950.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.079.893.432	5.775.221.402
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		(51.091.048.254)	4.657.484.129
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(17.756.434.760)	(2.427.020.000)
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.1	20.000.000.000	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(30.000.000.000)	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(31.672.055.040)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(27.756.434.760)	(34.099.075.040)
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>		(12.322.834.800)	(6.297.193.777)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		28.679.150.801	22.752.229.542
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</i>	V.1	16.356.316.001	16.455.035.765

Người lập biểu

Kế toán trưởng




LÊ ANH THƯ

MAI TRƯƠNG TÚ OANH

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 08 năm 2018
Tổng Giám Đốc


NGUYỄN QUANG TRUNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng từ Công ty Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101323 ngày 31/03/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/02/2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 150/QĐ-SGDHN ngày 05/04/2011.

Mã chứng khoán niêm yết là NDN.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: xây lắp, thương mại - dịch vụ, kinh doanh bất động sản,...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản. Đầu tư phát triển các dự án bất động sản, trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê;
- Tư vấn thiết kế xây dựng, tư vấn giám sát công trình, tư vấn đo đạc bản đồ;
- Sản giao dịch bất động sản;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, cầu cảng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp. Xây dựng công trình điện từ 110KV trở xuống. Xây dựng công trình cấp thoát nước đô thị, công trình bưu chính viễn thông, công trình xăng dầu,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh đối với hoạt động đầu tư phát triển các dự án bất động sản của Công ty thường kéo dài trên 12 tháng.

Các hoạt động khác chu kỳ kinh doanh thường kéo dài dưới 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Diễn biến thị trường chứng khoán trong năm có những chuyển biến tích cực cùng với việc tập trung nghiên cứu đầu tư vào các cổ phiếu có khả năng sinh lợi cao làm cho lợi nhuận từ hoạt động mua bán chứng khoán tăng mạnh.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu		
				Tỷ lệ sở hữu	Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp
1.	Công ty CP Đầu tư Tia Sáng Mới	31 Núi Thành, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Xây lắp và dịch vụ	82,8%	-	82,8%	-	92,0%
2.	Công ty CP Công nghệ Nước và Môi trường NDN	38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước,...	90,0%	90,0%	-	90,0%	-
3.	Công ty CP Cấp nước Đà Nẵng Ngọc Hồi	323 đường Nguyễn Sinh Sắc, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, xây lắp các công trình hạ tầng nước,...	90,1%	10,0%	80,1%	10,0%	89,0%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Trung tâm Tư vấn Thiết kế Xây dựng – Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
2. Sàn Giao dịch Bất động sản NDN– Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 Công ty có 43 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 44 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch doanh thu – chi phí và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc niên độ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính

khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí môi giới bất động sản

Chi phí môi giới bất động sản khi phát sinh sẽ hạch toán vào chi phí hoạt động bất động sản được xác định tiêu thụ trong năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê.

Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	03
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế, môi giới bất động sản

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản là công trình do Công ty là chủ đầu tư

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.

Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc gi giảm giá vốn hàng bán.

Giá vốn của hoạt động bất động sản đầu tư gồm có chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái

19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.123.657.965	655.773.234
Tiền gửi ngân hàng	8.462.658.036	24.303.801.955
Các khoản tương đương tiền - tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	4.770.000.000	3.719.575.612
Cộng	<u>16.356.316.001</u>	<u>28.679.150.801</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm: chứng khoán kinh doanh, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG
 38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
Có phiếu	278.731.272.758	258.849.883.140	19.881.430.058	141.106.864.221
Công ty CP ĐT TM BĐS An Dương Tháo Điền (HAR)	-	22.680	-	34.000
Công ty CP Dầu tư F.I.T (FIT)	-	17.760	-	33.800
Công ty CP Chiêu xạ An Phú (APC)	-	-	-	6.816.150.000
Công ty CP Long Hậu (LHG)	-	-	-	391.000.000
Công ty CP Bóng đèn phích nước Rạng Đông (RAL)	-	-	-	5.165.720.000
Công ty CP Cơ khí Xăng Dầu (PMS)	-	-	-	471.200.000
Công ty CP giống cây trồng Trung Ương (NSC)	-	-	-	2.043.621.000
Công ty CP Cơ điện lạnh (REE)	-	-	-	5.602.500.000
Công ty CP vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ)	111.677.597.622	107.227.500.000	4.450.097.622	68.380.810.000
Công ty CP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (NTC)	21.545.987.978	21.265.200.000	280.787.978	22.390.550.000
Công ty CP Siam Brothers Việt Nam (SBV)	-	-	-	1.597.500.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)	137.928.058.243	123.549.925.200	14.378.133.043	52.005.504.906
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (CTG)	7.579.628.915	6.807.217.500	772.411.415	-
Trái phiếu	-	-	-	-
Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	278.731.272.758	258.849.883.140	19.881.430.058	141.106.864.221
				169.724.638.800
				970.422.785

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư có phiếu được Công ty xác định theo giá đóng cửa tại ngày 30/06/2018 của các cổ phiếu trên tại các Sở giao dịch chứng khoán (Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - HoSE và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội - HNX).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	970.422.785	39.123.906.313
Trích lập dự phòng	23.063.719.518	483.792.685
Hoàn nhập dự phòng	(4.152.712.245)	(39.123.906.313)
Số cuối kỳ	<u>19.881.430.058</u>	<u>483.792.685</u>

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn	200.404.866.667	200.404.866.667	137.000.000.000	137.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	200.404.866.667	200.404.866.667	137.000.000.000	137.000.000.000
Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Dài hạn	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
Trái phiếu	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Cộng	<u>250.404.866.667</u>	<u>250.404.866.667</u>	<u>137.000.000.000</u>	<u>137.000.000.000</u>

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn gồm:

- Tiền gửi kỳ hạn 24 tháng (12/03/2018 đến 12/03/2020) tại Ngân hàng VIB – CN Đà Nẵng số tiền 40.000.000.000 đồng, lãi suất tiền gửi 7,2%/năm.
- Trái phiếu do Công ty CP Việt Nam Equity phát hành kỳ hạn 2 năm (22/05/2018 đến 22/05/2020), lãi suất trái phiếu 11%/năm, trả lãi 6 tháng 1 lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG
 38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

2c. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con	91.500.000.000	92.678.233.687	91.500.000.000	96.651.223.504
Công ty CP Công nghệ Nước & Môi trường NDN	90.000.000.000	92.124.243.624	90.000.000.000	95.163.760.803
Công ty CP Cấp nước Đà Nẵng Ngọc Hồi	1.500.000.000	553.990.063	1.500.000.000	1.487.462.701
Đầu tư dài hạn khác	12.173.852.330	61.060.300.000	18.113.451.329	23.196.646.200
Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng	5.646.511.932	48.132.000.000	11.598.000.000	12.493.646.200
Công ty CP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	6.527.340.398	12.928.300.000	6.515.451.329	10.703.000.000
Cộng	103.673.852.330	153.738.533.687	109.613.451.329	119.847.869.704
				12.537.299

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con do chưa có thông tin về giá giao dịch, do đó Công ty xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dùng bằng giá trị ghi sổ trên các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của các công ty trên.

Giá trị hợp lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng được xác định theo giá thị trường (giá đóng cửa) của cổ phiếu của Công ty này tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày 30/06/2018; Giá trị hợp lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng được xác định theo giá thị trường (giá bình quân) của cổ phiếu của Công ty này trên hệ thống tại ngày 30/06/2018.

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn được căn cứ vào số vốn chủ sở hữu thực có trên các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của các công ty được đầu tư.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	12.537.299	1.309.626.382
Trích lập dự phòng	933.472.638	191.104.614
Hoàn nhập dự phòng	-	(227.503.822)
Số cuối kỳ	<u>946.009.937</u>	<u>1.273.227.174</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	2.216.721.399	24.571.265.800
- Công ty CP Công nghệ Nước và Môi trường NDN (*)	-	24.418.000.000
- Công ty CP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	2.216.721.399	153.265.800
Phải thu các khách hàng khác	37.909.403.397	39.585.778.083
- Phải thu khách hàng hoạt động bất động sản	8.830.736.258	28.832.624.870
+ Công ty CP Đầu tư Phương Trang	-	-
+ Võ Phi Hải	6.204.990.000	26.204.990.000
+ Các khách hàng khác	2.625.746.258	2.627.634.870
- Phải thu khách hàng hoạt động xây lắp	28.772.077.461	10.521.094.213
+ Ban quản lý dự án Xây dựng số 3	-	-
+ Liên Doanh Công ty TNHH Kỹ thuật Môi trường UPL và Công ty TNHH Cơ sở hạ tầng KHILARI	3.257.173.101	3.257.173.101
+ Công ty CP Đầu tư Phương Trang	5.413.798.600	5.323.798.600
+ Công ty CP Nước Sài Gòn - An Khê	20.101.105.760	1.840.584.226
+ Các đối tượng phải thu khác	-	99.538.286
- Các khách hàng khác	306.589.678	232.059.000
Cộng	<u>40.126.124.796</u>	<u>64.157.043.883</u>

(*) Là số phải thu về tiền chuyển nhượng cổ phần đầu tư tại Công ty CP Đầu tư Tia Sáng Mới (Bán công ty con).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	400.000.000	7.040.725.959
- Công ty CP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	-	6.640.725.959
- Công ty CP Công nghệ Nước và Môi trường NDN	400.000.000	400.000.000
Trả trước cho người bán khác	41.968.763.256	2.374.074.023
- Công ty CP Đầu tư XNK Kỹ Thuật Việt	-	1.473.798.056
- Công ty TNHH Thái Bình Dương (*)	40.789.420.850	-
- Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng Tín Trường Thành	201.973.400	-
- Công ty CP Đầu tư và Công nghệ xây dựng IBST	-	-
- Các đối tượng người bán khác	977.369.006	900.275.967
Cộng	42.368.763.256	9.414.799.982

(*) Trả trước cho Công ty TNHH Thái Bình Dương để thi công công trình khu phức hợp Monarchy B – hạng mục phần hoàn thiện theo hợp đồng số 18B/2018/HĐ-NDN ngày 27/04/2018, thời gian hoàn thành dự kiến của hợp đồng là 20 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	38.050.195	-	908.538.195	-
- Công ty CP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	-	-	879.640.000	-
- Công ty CP Công nghệ Nước và Môi trường NDN	31.010.195	-	28.898.195	-
- Công ty CP Cấp nước Đà Nẵng Ngọc Hồi	7.040.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	154.864.127.804	-	3.088.711.720	-
- Bà Trần Thanh Trúc (**)	149.899.000.000	-	-	-
- Chi phí xây lắp, kiểm toán, thẩm tra các khu quy hoạch (*)	736.761.150	-	556.779.757	-
- Các dự án thuộc vốn Ngân sách	-	-	212.647.793	-
- Thu nhân viên về thuế TNCN	90.717.085	-	33.687.634	-
- Thu nhân viên về BHXH	39.246.775	-	74.564.399	-
- Tiền BHXH nộp thừa	-	-	3.959.840	-
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	4.043.794.099	-	1.883.236.833	-
- Các đối tượng phải thu khác	54.608.695	-	323.835.464	-
Tạm ứng CBCNV	12.737.428.124	-	466.475.491	-
Cộng	167.639.606.123	-	4.463.725.406	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Là các khoản chi phí theo dõi hộ UBND thành phố Đà Nẵng đối với các dự án giao thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Các dự án này được UBND thành phố Đà Nẵng giao cho Công ty quản lý, theo dõi, lập kế hoạch đề xuất thanh toán cho các hạng mục công trình sau khi nghiệm thu và thực hiện quyết toán khi các dự án hoàn thành.

(**) Khoản góp vốn vào Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 41/2018/TTHTĐT/VEQ ngày 18/05/2018 giữa Bà Trần Thanh Trúc, Bà Mai Thị Thi, Công ty CP Việt Nam Equity và Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng. Các bên thỏa thuận hợp tác đầu tư góp vốn vào tài khoản của Bà Trần Thanh Trúc đã mở tại Công ty CP Chứng Khoán Đà Nẵng để đầu tư chứng khoán. Tại ngày 11/12/2018 tạm chốt lãi để tạm ứng cho các bên, đến ngày kết thúc thời hạn hợp tác đầu tư (11/06/2019) các bên được phân chia lãi theo quy định trong hợp đồng.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	544.905.000	-	221.327.870	-
Chi phí SXKD dở dang (*)	208.940.924.719	-	166.194.504.046	-
Thành phẩm bất động sản	14.436.406.863	-	-	-
Cộng	223.922.236.582	-	166.415.831.916	-

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh tại ngày 30/06/2018

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án Bất động sản	208.851.966.272	166.105.545.599
- Khu phức hợp Monarchy - Block A	-	30.253.816.741
- Khu phức hợp Monarchy - Block B	208.851.966.272	117.118.492.602
- Dự án The Monarchy 2 - Khu dân cư An Trung 2, Tp. Đà Nẵng	-	4.721.470.476
- Chung cư Lapaz Tower (38 Nguyễn Chí Thanh, Tp. Đà Nẵng)	-	5.937.838.028
- KDC Bắc nút giao thông Hòa Cầm, Tp. Đà Nẵng	-	3.024.564.231
- Chung cư Đà Nẵng Plaza (06 Nguyễn Du, Tp. Đà Nẵng)	-	5.049.363.521
Chi phí xây lắp	88.958.447	88.958.447
- San lấp nền Hòa Phát và Hòa Thọ Đông	88.958.447	88.958.447
Cộng	208.940.924.719	166.194.504.046

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG
 38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	97.323.711	33.978.624
Cộng	<u>97.323.711</u>	<u>33.978.624</u>
Tình hình biến động trong năm		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	33.978.624	875.560.621
Tăng trong năm	97.260.818	55.804.184
Phân bổ trong năm	(33.915.731)	(790.637.271)
Số dư cuối năm	<u>97.323.711</u>	<u>140.727.534</u>

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	323.577.130
Chi phí môi giới bất động sản	34.438.833.392	-
Chi phí giới thiệu sản phẩm	1.249.889.099	-
Cộng	<u>35.688.722.491</u>	<u>323.577.130</u>
Tình hình biến động trong năm		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	323.577.130	373.468.234
Tăng trong năm	35.365.145.361	-
Phân bổ trong năm	-	(49.891.104)
Số dư cuối năm	<u>35.688.722.491</u>	<u>323.577.130</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.956.959.670	2.506.395.097	4.035.400.000	235.318.909	14.734.073.676
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(553.642.857)	-	-	(553.642.857)
Chuyển qua BĐS đầu tư	(3.978.479.835)	-	-	-	(3.978.479.835)
Số cuối năm	3.978.479.835	1.952.752.240	4.035.400.000	235.318.909	10.201.950.984
<i>Trong đó:</i>					
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.912.697.695	-	216.282.545	2.128.980.240
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.034.404.760	2.489.705.698	1.076.106.655	217.618.903	4.817.836.016
Khấu hao trong năm	79.569.596	6.675.756	201.769.999	5.899.998	293.915.349
T/lý, nhượng bán	-	(553.642.857)	-	-	(553.642.857)
Chuyển qua BĐS đầu tư	(517.202.380)	-	-	-	(517.202.380)
Số cuối năm	596.771.976	1.942.738.597	1.277.876.654	223.518.901	4.040.906.128
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.922.554.910	16.689.399	2.959.293.345	17.700.006	9.916.237.660
Số cuối năm	3.381.707.859	10.013.643	2.757.523.346	11.800.008	6.161.044.856
<i>Trong đó:</i>					
- Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
- Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	802.995.930	302.630.000	1.105.625.930
Mua trong kỳ	-	-	-
Chuyển qua BĐS đầu tư	(401.497.965)	-	(401.497.965)
Số cuối kỳ	401.497.965	302.630.000	704.127.965
<i>Trong đó:</i>			
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	50.000.000	50.000.000
- Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	180.525.500	180.525.500
Khấu hao trong kỳ	-	25.263.000	25.263.000
Chuyển qua BĐS đầu tư	-	-	-
Số cuối kỳ	-	205.788.500	205.788.500
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	802.995.930	122.104.500	925.100.430
Số cuối kỳ	401.497.965	96.841.500	498.339.465
<i>Trong đó:</i>			
- Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
- Đang chờ thanh lý	-	-	-

Danh mục Quyền sử dụng đất tại ngày 30/06/2018 hiện có:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Quyền sử dụng đất tại tầng 2 Lapaz Tower	401.497.965	-	401.497.965
Cộng	401.497.965	-	401.497.965

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Bất động sản đầu tư**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.306.498.766	-	16.306.498.766
Chuyển thành BĐS đầu tư	401.497.965	3.978.479.835	4.379.977.800
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	16.707.996.731	3.978.479.835	20.686.476.566
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	79.569.597	79.569.597
Chuyển thành BĐS đầu tư	-	517.202.380	517.202.380
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	-	596.771.977	596.771.977
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	16.306.498.766	-	16.306.498.766
Số cuối kỳ	16.306.498.766	3.381.707.858	20.089.704.589

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa tìm được công ty định giá phù hợp để thực hiện công việc này.

Danh mục Bất động sản hiện Công ty đang nắm giữ tại ngày 30/06/2018:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế/ Tồn thất do suy giảm giá trị</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Quyền sử dụng đất tại lô A2.21 Phan Đăng Lưu	16.306.498.766	-	16.306.498.766
Quyền sử dụng đất tại tầng 1 Lapaz Tower	401.497.965	-	401.497.965
Trung tâm Thương mại Lapaz Tower (tầng 1)	3.978.479.835	596.771.977	3.381.707.858
Cộng	20.686.476.566	596.771.977	20.089.704.589

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**11. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển giảm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	218.676.674	-	42.827.948	137.737.273
- Công trình Nhà máy nước Đông Nam Quảng Trị	42.827.948	-	42.827.948	-
- Công trình trồng rừng Hòa Nhơn	137.737.273	-	-	137.737.273
- Công trình A2.2 Phan Đăng Lưu	15.787.374.977	-	-	15.787.374.977
Cộng	15.967.940.198	-	42.827.948	15.925.112.250

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	15.985.483.724	3.905.294.002
- Công ty CP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	13.084.780.022	-
- Công ty CP Đầu tư Tia Sáng Mới	2.900.703.702	3.905.294.002
Phải trả các người bán khác	14.412.719.015	43.749.236.207
- Công ty TNHH Thái Bình Dương	-	20.306.400.727
- Công ty CP Kỹ Thuật ENVIRO	6.954.114.242	20.260.139.347
- Công ty CP Đầu tư XNK Kỹ thuật Việt	3.793.974.331	-
- Công ty TNHH MTV Nguyễn Hoàng Phúc	1.655.087.856	-
- Các đối tượng người bán khác	2.009.542.586	3.182.696.133
Cộng	30.398.202.739	47.654.530.209

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	101.800.000
- Công ty CP Cấp nước Đà Nẵng - Ngọc Hồi	-	101.800.000
Người mua trả tiền trước là các khách hàng khác	493.741.166.207	41.866.071.569
- Khách hàng trả trước mua Chung cư The Monarchy Đơn nguyên A	506.499.757	41.243.071.569
- Khách hàng trả trước mua Chung cư The Monarchy Đơn nguyên B	492.038.287.450	-
- Công ty TNHH Thái Bình Dương	363.000.000	363.000.000
- Các khách hàng khác	833.379.000	260.000.000
Cộng	493.741.166.207	41.967.871.569

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.592.513	69.175.519	38.613.175.894	18.498.910.129	20.055.682.759	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.040.872.004	7.393.200.269	6.528.319.590	-	3.175.991.325
Thuế thu nhập cá nhân	21.936.009	-	169.254.210	214.974.550	-	23.784.331
Thuế nhà đất	-	-	177.591.585	177.591.585	-	-
Các loại thuế khác	692.000	-	3.000.000	3.000.000	692.000	-
Cộng	33.220.522	4.110.047.523	46.356.221.958	25.422.795.854	20.056.374.759	3.199.775.656

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động xây lắp là 10%, các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	54.338.683.809	28.699.090.602
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(64.236.668)	(1.499.912.169)
- Các khoản điều chỉnh tăng	310.628.999	292.187.831
+ Các khoản chi phí không hợp lý	310.628.999	282.187.831
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	-	10.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	374.865.667	1.792.100.000
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	374.865.667	1.792.100.000
Thu nhập chịu thuế	54.274.447.141	27.199.178.433
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh thông thường	18.877.673.491	11.060.435.385
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	35.396.773.650	16.138.743.048
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	17.308.445.794	11.060.435.385
Thu nhập tính thuế	36.966.001.347	16.138.743.048
- Thu nhập tính thuế của hoạt động kinh doanh thông thường	1.569.227.697	-
- Thu nhập tính thuế của hoạt động kinh doanh bất động sản	35.396.773.650	16.138.743.048
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	7.393.200.269	3.227.748.610

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.393.200.269	3.227.748.610
- Thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh thông thường	313.845.539	-
- Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	7.079.354.730	3.227.748.610

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	517.257.818	427.668.611
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	517.257.818	427.668.611

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công trình Monarchy A	13.771.589.883	-
Công trình Nhà máy Nước An Khê	5.079.292.470	-
Công trình KDC Bắc nút giao thông Hòa Cầm	67.945.792	67.945.792
Số dư cuối năm	18.918.828.145	67.945.792

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	-
Kinh phí công đoàn	40.899.138	49.041.138
Bảo hiểm xã hội	62.625.159	-
Phải trả các đối tượng khác	32.294.781.437	47.662.880.440
- Phải trả chi phí các khu quy hoạch	-	614.920.965
- Phí bảo trì Chung cư 06 Nguyễn Du	1.916.094.121	1.958.245.810
- Phí bảo trì Chung cư 38 Nguyễn Chí Thanh	729.378.354	576.337.263
- Phí bảo trì Chung cư Monarchy A	4.251.061.385	3.352.368.102
- Phải trả các đối tượng tại Sàn giao dịch BĐS	4.007.412.555	5.604.258.147
- Công ty CP Đầu tư Địa Ốc Ô tô Phương Trang	19.930.781.506	34.930.781.506
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	860.000.000	-
- Phải trả tiền thù lao HĐQT và BKS	118.500.000	-
- Cổ tức phải trả	171.837.100	171.837.100
- Tạm ứng (Dự có)	-	13.935.075
- Các đối tượng phải trả khác	309.716.416	440.196.472
Cộng	<u>32.398.305.734</u>	<u>47.711.921.578</u>

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty CP Đầu tư Kinh doanh vốn Nhà Nước (*)	1.623.119.861	4.055.526.486
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	618.400.000	-
Cộng	<u>2.241.519.861</u>	<u>4.055.526.486</u>

(*) Là khoản lãi phải trả cho Tổng Công ty Tổng Công ty Đầu tư Kinh doanh vốn Nhà Nước.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	7.579.047.247	4.291.000.000	314.000.000	11.556.047.247
Quỹ phúc lợi	4.322.721.647	4.291.000.000	500.123.748	8.113.597.899
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	3.503.000.000	2.491.000.000	-	5.994.000.000
Cộng	15.404.768.894	11.073.000.000	814.123.748	25.663.645.146

19. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê chỗ để xe	482.727.277	458.181.822
Cộng	482.727.277	458.181.822

20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay trung hạn ngân hàng</i>				
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thành, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính***21. Vốn chủ sở hữu****21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	421.369.940.000	5.609.600	(18.831.765.340)	9.838.317.468	81.456.057.783	493.838.159.511
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(2.427.020.000)	-	-	(2.427.020.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	25.471.341.992	25.471.341.992
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(4.007.680.682)	(4.007.680.682)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(31.709.595.200)	(31.709.595.200)
Số dư cuối kỳ trước	421.369.940.000	5.609.600	(21.258.785.340)	9.838.317.468	71.210.123.893	481.165.205.621
Số dư đầu năm nay	421.369.940.000	5.609.600	(21.258.785.340)	9.838.317.468	131.566.463.342	541.521.545.070
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(17.756.434.760)	-	-	(17.756.434.760)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	47.165.092.247	47.165.092.247
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(11.073.000.000)	(11.073.000.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	57.954.040.000	-	-	-	(57.954.040.000)	-
Số dư cuối kỳ này	479.323.980.000	5.609.600	(39.015.220.100)	9.838.317.468	109.704.515.589	559.857.202.557

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần 07 ngày 04/02/2016 là 421.369.940.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/06/2018, vốn đầu tư của chủ sở hữu là 479.323.980.000 đồng, thừa 57.954.040.000 đồng nhưng Công ty chưa làm thủ tục thay đổi lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
Vốn góp của cổ đông Nhà nước	-	-	0,00%	-
Vốn góp của các cổ đông khác	100,00%	479.323.980.000	100,00%	421.369.940.000
Cộng	100,00%	479.323.980.000	100,00%	421.369.940.000

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	421.369.940.000	421.369.940.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	57.954.040.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	479.323.980.000	421.369.940.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	57.954.040.000	31.709.595.200

21d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.136.994	42.136.994
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.932.398	42.136.994
- Cổ phiếu thường	47.932.398	42.136.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu thường	3.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44.432.398	39.636.994
- Cổ phiếu thường	44.432.398	39.636.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

21e. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-NDN ngày 24/03/2018 như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu là 15% trên mệnh giá cổ phần tương ứng số tiền 57.954.040.000 đồng.
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 8.582.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành là 2.491.000.000 đồng.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**22a. Thông tin giá trị quyết toán công trình theo dõi hộ Nhà nước**

TT	Chủ đầu tư	Tên Công trình	Giá trị quyết toán chưa được thanh toán đến ngày
1	UBND TP Đà Nẵng	Hạ tầng kỹ thuật khu E, khu định cư nam cầu Cẩm Lệ (Giai đoạn 1) - San nền, giao thông thoát nước	5.279.879.521
2	UBND TP Đà Nẵng	Hạ tầng kỹ thuật khu E, khu định cư nam cầu Cẩm Lệ (Giai đoạn 2) - San nền, giao thông thoát nước	3.907.090.610
3	UBND TP Đà Nẵng	Hạ tầng kỹ thuật Hòa Thọ mở rộng - San nền, giao thông thoát nước	486.009.000
		Tổng cộng	9.672.979.131

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu xây lắp	43.159.551.395	550.615.454
Doanh thu cung cấp dịch vụ	659.453.531	119.116.172
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	87.226.777.721	43.493.115.185
Doanh thu bán hàng hóa	1.545.850.908	-
Cộng	132.591.633.555	44.162.846.811

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hoạt động xây lắp	42.296.347.846	(73.052.210)
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	177.001.996	222.636.917
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	50.914.772.184	25.303.924.776
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.514.941.818	-
Cộng	94.903.063.844	25.453.509.483

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.845.940.031	4.409.607.388
Cổ tức, lợi nhuận được chia	374.865.667	1.792.100.000
Lãi đầu tư chứng khoán	14.290.790.978	4.120.939.299
Lãi do chuyển nhượng các khoản đầu tư	27.694.507.801	-
Lãi do chậm thanh toán theo tiến độ	19.645.000	-
Cộng	<u>48.225.749.477</u>	<u>10.322.646.687</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lỗ đầu tư chứng khoán	9.660.715.820	35.990.248.566
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	23.063.719.518	483.792.685
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	933.472.638	1.273.227.173
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư	(4.152.712.245)	(40.433.532.695)
Phí lưu bán chứng khoán	102.837.033	160.562.431
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	<u>29.608.032.764</u>	<u>(2.525.701.840)</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	33.282.000	27.571.306
Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.558.085	115.446.694
Chi phí bằng tiền khác	20.171.318	-
Cộng	<u>225.011.403</u>	<u>143.018.000</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	632.878.674	749.048.847
Chi phí đồ dùng văn phòng	22.650.001	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	319.178.349	398.747.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	337.111.553	566.686.424
Chi phí bằng tiền khác	670.576.614	955.232.832
Cộng	<u>1.982.395.191</u>	<u>2.669.716.049</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	181.818.181	-
Thu nhập khác	58.444.798	2.266.629
Cộng	<u>240.262.979</u>	<u>2.266.629</u>

8. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền phạt vi phạm hành chính	-	10.000.000
Lãi chậm nộp BHXH	459.000	-
Chi phí khác	-	38.127.833
Cộng	<u>459.000</u>	<u>48.127.833</u>

9. Lãi trên cổ phiếu

Theo quy định tại mục 3.19 điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, thì chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm cơ bản trên cổ phiếu chỉ được trình bày trên báo cáo hợp nhất, không trình bày trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ. Do vậy, thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.080.001	-
Chi phí nhân công	2.845.358.954	2.706.609.414
Chi phí khấu hao tài sản cố định	398.747.946	591.566.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.435.583.400	18.897.876.779
Chi phí khác	3.585.527.673	7.375.877.888
Cộng	<u>154.293.297.974</u>	<u>29.571.930.517</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VND)

1. Các giao dịch không bằng tiền

	Kỳ này	Kỳ trước
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	57.954.040.000	-
Cộng	57.954.040.000	-

2. Tiền thu từ đi vay

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	20.000.000.000	-
Cộng	20.000.000.000	-

3. Tiền trả nợ gốc vay

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền chi các khoản đi vay theo kế ước thông thường	30.000.000.000	-
Cộng	30.000.000.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng hoặc yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng).

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG
 38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Hội đồng quản trị	90.000.000	4.098.251.200
Thù lao	90.000.000	180.000.000
Cổ tức nhận được	-	3.918.251.200
Ban điều hành	772.906.326	693.385.476
Tiền lương	772.906.326	693.385.476
Tiền thưởng	-	-
Ban kiểm soát	28.500.000	154.236.000
Thù lao	28.500.000	57.000.000
Cổ tức nhận được	-	97.236.000
Cộng	<u>891.406.326</u>	<u>4.945.872.676</u>

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: công ty con, các công ty mà Công ty đang đầu tư vốn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Đầu tư Tia Sáng Mới	Công ty con
Công ty CP Công nghệ Nước & Môi trường NDN	Công ty con
Công ty CP Cấp nước Đà Nẵng Ngọc Hồi	Công ty con
Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Công ty CP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	Công ty đầu tư

Giao dịch với các bên liên quan khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty CP Đầu tư Tia Sáng Mới	38.941.405	1.474.762.818
- Phí vận hành, bảo hiểm cháy nổ	38.941.405	122.727.273
- Giá trị xây lắp, tư vấn giám sát	-	1.352.035.545
- Cổ tức nhận được	-	1.442.100.000
Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng	645.974.304	308.207.053
- Phí lưu ký, môi giới chứng khoán	645.974.304	308.207.053
- Phí tư vấn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty CP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	77.030.843.889	10.520.999.102
- Mua hàng, dịch vụ	75.154.975.165	10.479.180.920
+ Giá trị xây lắp	75.154.975.165	7.772.373.183
+ Tiền bê tông thương phẩm, ca máy		2.706.807.737
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.875.868.724	41.818.182
+ Phí môi giới bất động sản	148.199.635	41.818.182
+ Phí bảo trì 12 căn hộ DaNang Plaza	-	-
+ Bán vận thăng lồng	1.727.669.089	-
Công ty CP Công nghệ Nước & Môi trường NDN	24.418.000.000	3.000.000.000
- Thu tiền chuyển nhượng cổ phần	24.418.000.000	-
- Thu lại tiền mượn	-	3.000.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng		
Công ty CP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	2.216.721.399	153.265.800
Công ty CP Công Nghệ Nước và Môi trường NDN	-	24.418.000.000
Trả trước cho người bán		
Công ty CP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	-	6.640.725.959
Công ty CP Công Nghệ Nước và Môi trường NDN	400.000.000	400.000.000
Tiền gửi tài khoản chứng khoán		
Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng	163.737.457	79.570.163
Phải thu khác		
Công ty CP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	-	879.640.000
Công ty CP Công nghệ Nước & Môi trường NDN	31.010.195	28.898.195
Công ty CP Nước Đà Nẵng Ngọc Hồi	7.040.000	-
Phải trả người bán		
Công ty CP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	13.084.780.022	-
Công ty CP Đầu tư Tia Sáng Mới	2.900.703.702	3.905.294.002
Người mua trả tiền trước		
Công ty CP Cấp nước Đà Nẵng - Ngọc Hồi	-	101.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***3. Báo cáo bộ phận***- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

	Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	Hoạt động xây lập	Hoạt động dịch vụ	Hoạt động bán hàng	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	87.226.777.721	43.159.551.395	659.453.531	1.545.850.908	132.591.633.555
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	87.226.777.721	43.159.551.395	659.453.531	1.545.850.908	132.591.633.555
Giá vốn bộ phận	50.914.772.184	42.296.347.846	177.001.996	1.514.941.818	94.903.063.844
Lợi nhuận gộp bộ phận	36.312.005.537	863.203.549	482.451.535	30.909.090	37.688.569.711
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	43.493.115.185	550.615.454	119.116.172	-	44.162.846.811
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.493.115.185	550.615.454	119.116.172	-	44.162.846.811
Giá vốn bộ phận	25.303.924.776	(73.052.210)	222.636.917	-	25.453.509.483
Lợi nhuận gộp bộ phận	18.189.190.409	623.667.664	(103.520.745)	-	18.709.337.328

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

Là số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017. Các báo cáo tài chính (riêng) trên đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng).

Tp. Đà Nẵng, ngày 14 tháng 08 năm 2018

LÊ ANH THƯ

Người lập biểu

MAI TRƯƠNG TÚ OANH

Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG TRUNG

Tổng Giám đốc

